

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2022/HS-ST**
Ngày 14/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Minh Nhựt**

2. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Lê Anh Vũ** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 74/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

01. Nguyễn Thị T, sinh năm 1993 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp VT, xã VT, huyện GR, tỉnh KG; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2021. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T: Bà **Nguyễn Thúy L** -Trợ giúp viên thuộc Trung tâm pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (có mặt).

02. Phạm Xuân V, sinh năm 1987 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Số ... đường PDL, phường AB, thành phố RG, tỉnh KG; Nghề nghiệp: Sửa xe; Trình độ văn hóa: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn U, sinh năm 1961 và bà Mai Thị P, sinh năm 1961;

Vợ: Tiêu Minh N, sinh năm 1988 (đã ly hôn); Con 01 người sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không.

Tuy nhiên: Vào năm 2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện AM, tỉnh KG xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm, về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Tại bản án số: 58/2014/HS-ST ngày 24/12/2014, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2021. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Xuân Vũ: Ông **Mai Hồng H**, văn phòng luật sư Chấn Lai - thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T và Phạm Xuân V là người nghiện ma túy, chung sống với nhau như vợ chồng được khoảng 01 năm. Vào khoảng 15 giờ, ngày 17/5/2021 T nhận được điện thoại của một người bạn ngoài xã hội tên là Đ (chưa rõ nhân thân, lai lịch) Đ nói với T là Đ lên cơn nghiện nhưng đã hết ma túy và hỏi T có ma túy không đem đến để cùng sử dụng. Do là mối quan hệ bạn bè và đã từng sử dụng ma túy chung nên T lấy một bạch ma túy có kích thước 2,5cm x 5cm được hàn kín hai đầu và kêu Phạm Xuân V dùng xe mô tô chở T đi công chuyện. Lúc này, V cũng giấu một đoạn ống hút sọc đỏ vàng được hàn kín có chứa chất ma túy bỏ trong một bao thuốc lá nhãn hiệu JET cất trong túi quần bên phải và cùng T đi đến “Ngã tư Tà Niên” thuộc ấp SĐ, xã VHH, huyện CT. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, khi T và V đang ở địa điểm trên chờ Đ đến rước thì bị lực lượng công an kiểm tra bắt quả tang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ tang vật trên tay trái của T đang cầm 01 bạch nylon bên trong có chứa chất ma túy; trong túi quần bên phải của V 01 đoạn ống hút sọc đỏ - vàng bên trong có chứa chất ma túy.

Nguồn ma túy T có được mua của một người tên K ở thành phố HCM (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 1.000.000 đồng. Sau khi chuyển tiền cho K qua dịch vụ chuyển tiền tại cửa hàng Thế Giới Di Động, K gửi ma túy cho T được cất giấu trong một cây quạt mini chạy bằng pin bằng dịch vụ gửi hàng của xe khách Tuyết Hon. Đối với đoạn ống hút chứa chất ma túy, Phạm Xuân V khai nhận vào khoảng 12 giờ ngày 17/5/2021, V được một người bạn tên H ở thành phố CT (không rõ nhân thân, lai lịch) cho để sử dụng.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy vào ngày 18/5/2021 tại Trung tâm Y tế

huyện CT thể hiện Nguyễn Thị T và Phạm Xuân V dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine. Tại cơ quan Cảnh sát điều tra cả hai đã thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại bản Kết luận giám định số: 506/KL-KTHS, ngày 24/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh KG kết luận:

- Mẫu 01: Nhiều hạt tinh thể trong suốt, không đồng nhất chứa trong 01 (một) bịch nylon được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 1,7479 gam.

- Mẫu 02: Nhiều hạt tinh thể trong suốt, không đồng nhất chứa trong 01 (một) đoạn ống hút sọc đỏ - vàng được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 0,1915 gam.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP, ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội.

Đồ vật, tài liệu thu giữ, tạm giữ, hướng xử lý vật chứng gồm:

- 01 phong bì màu trắng có dòng chữ CÔNG AN TỈNH KIÊN GIANG PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ, Niêm phong mẫu vật, vụ số 506/Mẫu 01, ngày 25 tháng 05 năm 2021, người chứng kiến Võ Hoàng V, giám định viên Lê Đức H, có đóng dấu mộc đỏ niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh KG.

- 01 phong bì màu trắng có dòng chữ CÔNG AN TỈNH KIÊN GIANG PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ, Niêm phong mẫu vật, vụ số 506/Mẫu 02, ngày 25 tháng 05 năm 2021, người chứng kiến Võ Hoàng V, giám định viên Lê Đức H, có đóng dấu mộc đỏ niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh KG.

Các phong bì được niêm phong trên chứa ma túy còn lại sau giám đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động, số IMEI1: 357321087083563, số IMEI2: 357321087003571 (của bị cáo Tiên).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, số IMEI1: 354176101600880, số IMEI2: 354176102600889 (của bị cáo Vũ).

Đây là những tài sản không liên quan đến sự việc phạm tội, đề nghị trả lại cho các bị cáo.

Đối với người thanh niên tên K đã bán trái phép chất ma túy cho T và người thanh niên tên H đã cho V đoạn ống hút nhựa có chứa ma túy đến nay vẫn chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên chưa tiến hành triệu tập, làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CT tiếp tục điều tra, làm rõ khi nào có đủ căn cứ sẽ tiến hành xử lý sau.

Đối với người thanh niên tên Đ ở khu vực TC theo lời khai của T là người đã gọi điện thoại cho T để rủ đi sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CT đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định nhân thân lai lịch của người này để triệu tập làm việc nên không đủ căn cứ để kết luận hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” của bị cáo Nguyễn Thị T.

Tại bản cáo trạng số: 81/CT-VKS-CT ngày 10/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị T và Phạm Xuân V về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Thị T và Phạm Xuân V phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Và đề nghị Hội đồng xét xử:

01/ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

02/ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Xuân V từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì màu trắng có dòng chữ CÔNG AN TỈNH KIÊN GIANG PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ, Niêm phong mẫu vật, vụ số 506/Mẫu 01, ngày 25 tháng 05 năm 2021, người chứng kiến Võ Hoàng V, giám định viên Lê Đức H, có đóng dấu mộc đỏ niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kiên Giang và 01 phong bì màu trắng có dòng chữ CÔNG AN TỈNH KIÊN GIANG PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ, Niêm phong mẫu vật, vụ số 506/Mẫu 02, ngày 25 tháng 05 năm 2021, người chứng kiến Võ Hoàng V, giám định viên Lê Đức H, có đóng dấu mộc đỏ niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kiên Giang.

- Trả lại cho Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động, số IMEI1: 357321087083563, số IMEI2: 357321087003571.

- Trả lại cho Phạm Xuân V 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, số IMEI1: 354176101600880, số IMEI2: 354176102600889.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bà Nguyễn Thúy L – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang bào chữa cho bị cáo T có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát như sau:

Về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội nên Trợ giúp viên hoàn toàn thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát.

Về phần hình phạt cũng mong HĐXX xem xét: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo tốt chưa có tiền án, tiền sự; gia đình thuộc hộ cận nghèo, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó, Trợ giúp viên đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tiên bằng mức án thấp nhất mà VKS đề nghị cũng đủ thể hiện tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Ông Mai Hồng H – Luật sư phát biểu quan điểm bảo vệ cho bị cáo Phạm Xuân V có quan điểm: Về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội nên hoàn toàn thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát.

Về phần hình phạt cũng mong HĐXX xem xét: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo là lao động chính trong gia đình và còn phải nuôi con còn nhỏ và cha mẹ đã lớn tuổi. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo bằng mức án thấp nhất mà VKS đề nghị cũng đủ thể hiện tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Bị cáo T không bổ sung gì thêm về quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên; Bị cáo V không bổ sung gì về quan điểm bào chữa của luật sư.

Các bị cáo được nói lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] - Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] - Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu cũng như kết quả điều tra của Cơ quan điều tra và bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành. Từ đó, có đủ căn cứ để xác định: Vào khoảng 15 giờ, ngày 17/5/2021 Nguyễn Thị T đang ở nhà thì Đ (không xác định được nhân thân lai lịch) điện thoại cho T hỏi xin ma túy để sử dụng thì T đồng ý. Sau đó, T kêu Phạm Xuân V lấy xe mô tô chở T đi công chuyện thì V đồng ý. Sau đó, V chở T đi đến Ngã tư TN thuộc ấp SĐ, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG thì dừng lại. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, khi T và V đang đứng đợi Đ lại rước thì bị Công an kiểm tra, bắt quả tang T đang cầm 01 bịch nylon bên trong có chứa chất ma túy, khối lượng gửi mẫu giám định là 1,7479 gam loại Methamphetamine. Đồng thời kiểm tra trong túi quần bên phải của V phát hiện 01 đoạn ống hút sọc đỏ - vàng bên trong có chứa chất ma túy, khối lượng gửi giám định là 0,1915 gam loại Methamphetamine.

Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự thì “Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ... ; c) *Methamphetamine có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam*; ... Đối chiếu với quy định nêu trên thì hành vi của các bị cáo T và V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” như đã viện dẫn. Do đó, cáo trạng đã truy tố bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] - Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác hại nguy hiểm cho sức khỏe của con người và cũng là nguyên nhân phát sinh ra các tệ nạn trong xã hội, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Các bị cáo đã trưởng thành và nhận thức được sử dụng ma túy là vi phạm pháp luật thể nhưng chỉ vì nghiện ma túy các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật cứ dần thân vào con đường nghiện hút không lối thoát, hành vi này đang gây nên một hệ lụy xấu về tương lai trong giới thanh niên trẻ ngày nay. Trong tình hình tội phạm về sử dụng ma túy ngày càng gia tăng và phức tạp như hiện nay nên cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, cải tạo giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] - Xét về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, qua hồ sơ thể hiện thì vào năm 2014 bị cáo V đã 01 lần bị Tòa án nhân dân huyện AM xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tuy đã xóa án tích nhưng qua đây cần xem xét về nhân thân bị cáo khi lượng hình mới mới thỏa đáng.

[5] - Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo T thì có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, bị cáo thuộc hộ cận nghèo tại địa phương được Nhà nước công nhận nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Từ những phân tích nêu trên, HĐXX nghị án sẽ xem xét hình phạt khi lượng hình đối với từng bị cáo để có mức án phù hợp nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành một công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội.

[6] - Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] - Xét đề nghị của bà Nguyễn Thúy L - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang bào chữa cho bị cáo Tiên là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[8] - Xét đề nghị của luật sư Mai Hồng H bào chữa cho bị cáo V về phần nhân thân và tình tiết giảm nhẹ là có căn cứ pháp luật nên ghi nhận để xem xét.

[9] - Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng:

9.1. Đối với 01 phong bì màu trắng có dòng chữ CÔNG AN TỈNH KIÊN GIANG PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ, Niêm phong mẫu vật, vụ số 506/Mẫu 01, ngày 25 tháng 05 năm 2021, người chứng kiến Võ Hoàng V, giám định viên Lê Đức H, có đóng dấu mộc đỏ niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Kiên Giang và 01 phong bì màu trắng có dòng chữ CÔNG AN TỈNH KIÊN GIANG PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ, Niêm phong mẫu vật, vụ số 506/Mẫu 02, ngày 25 tháng 05 năm 2021, người chứng kiến Võ Hoàng V, giám định viên Lê Đức H, có đóng dấu mộc đỏ niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kiên Giang đây là vật chứng còn lại sau giám định và là vật cấm lưu hành và tàng trữ nên cần xử tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

9.2. Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động, số IMEI1: 357321087083563, số IMEI2: 357321087003571 đã thu giữ của bị cáo Tiên và thu giữ chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, số IMEI1: 354176101600880, số IMEI2: 354176102600889 của bị cáo Vũ. Xét thấy hai chiếc điện thoại này không liên quan đến việc phạm tội nên cần xử trả lại cho T và V là phù hợp.

[10] - Về án phí: Xử buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

01. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T, 01 (một) năm** tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 17/5/2021.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân V phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

02. Xử phạt bị cáo **Phạm Xuân V 01 (một) năm** tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 17/5/2021.

Về biện pháp tư pháp áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì màu trắng có dòng chữ CÔNG AN TỈNH KIÊN GIANG PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ, Niêm phong mẫu vật, vụ số

506/Mẫu 01, ngày 25 tháng 05 năm 2021, người chứng kiến Võ Hoàng V, giám định viên Lê Đức H, có đóng dấu mộc đỏ niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kiên Giang và 01 phong bì màu trắng có dòng chữ CÔNG AN TỈNH KIÊN GIANG PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ, Niêm phong mẫu vật, vụ số 506/Mẫu 02, ngày 25 tháng 05 năm 2021, người chứng kiến Võ Hoàng V, giám định viên Lê Đức H, có đóng dấu mộc đỏ niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kiên Giang.

- Trả lại cho Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động, số IMEI1: 357321087083563, số IMEI2: 357321087003571.

- Trả lại cho Phạm Xuân V 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, số IMEI1: 354176101600880, số IMEI2: 354176102600889.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 58/QĐ-VKSCT ngày 10/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử buộc bị cáo Nguyễn Thị T và Phạm Xuân V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Bị cáo; bị hại;
- Sở tư pháp;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

Mai Tấn Đầu